Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Nghi Xuân
Email: ubnghixuan@hatinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hà Tĩnh
Thời gian ký: 22.05.2019 10:15:39

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI XUÂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 192/BC-UBND	*Nghi Xuân, ngày 21 tháng 5 năm 2019*

BÁO CÁO
Bổ sung kết quả thực hiện Đề án và triển khai giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn

Thực hiện Công văn số 1369/STNMT-CCMT ngày 17/5/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện Đề án, Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn huyện Nghi Xuân, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo bổ sung cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải

- Kết quả thực hiện Đề án năm 2018:

+ Kết quả thực hiện phân loại rác tại nguồn ở địa phương:

Đến nay có 19/19 xã, thị trấn tổ chức thực hiện phân loại rác thải tại nguồn gắn với xử lý rác thải hữu cơ ngay tại hộ gia đình. Cách thức phân loại như sau: Mỗi hộ gia đình sử dụng các dụng cụ để phân làm 03 nhóm *(nhóm hữu cơ dễ phân hủy; nhóm tái sử dụng, tái chế để bán và nhóm còn lại)*. Rác hữu cơ tại các hộ gia đình có vườn được xử lý tại hộ gia đình bằng các phương pháp: (1) Sử dụng chất thải hữu cơ dùng cho chăn nuôi gia súc, gia cầm; (2) làm chất đốt; (3) ủ kết hợp chế phẩm sinh học tại bể ủ tự xây dựng 2 ngăn hoặc trong các nhà ủ phân gia súc, gia cầm đã có của hộ gia đình để làm phân bón cho nông nghiệp.

Về hiệu quả: Đến nay trung bình lượng rác thải giảm đi 5 - 8 tấn/ngày trên địa bàn toàn huyện.

+ Về số lượng HTX, đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường đang hoạt động:

++*) Tình hình và hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân:* Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân hoạt động vận chuyển, xử lý trên địa bàn 12 xã, thị trấn, bắt đầu từ các điểm tập kết/trạm trung chuyển của các địa phương đến khu xử lý tại Cương Gián *(hoạt động thu gom do các tổ thu gom của các địa phương thực hiện, trừ thị trấn Xuân An, công ty đảm nhận hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý)*; tổng lượng rác thải thu gom, vận chuyển về khu xử lý là 28,5 tấn/ngày; công suất thực tế xử lý 16 giờ/ngày x 1 tấn/giờ = 16 tấn/ngày, lượng rác tồn đọng vào khoảng 28,5 - 16 =

12,5 tấn/ngày. Theo thời gian, khối lượng rác thải này ngày càng lớn, gây ô nhiễm môi trường, đã có nhiều ý kiến kiến nghị của cử tri và nhân dân xã Xuân Thành, có nguy cơ gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Hiện nay, tại bãi rác Xuân Thành lượng rác tồn đọng trên diện tích khoảng 5.000 m^2, chiều cao trung bình 3 m, tương đương 15.000 m^3 để lộ thiên, gây ô nhiễm môi trường, vi phạm các quy định về xử lý chất thải rắn.

++) Tình hình và hiệu quả hoạt động của HTX Tân Phát:

HTX Tân Phát hoạt động vận chuyển, xử lý trên địa bàn 07 xã, bắt đầu từ các điểm tập kết/trạm trung chuyển của các địa phương đến khu xử lý tại Cương Gián *(hoạt động thu gom do các tổ thu gom của các địa phương thực hiện, trừ xã Cương Gián, HTX Tân Phát đảm nhận hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý)*. Tổng lượng rác thải thu gom, vận chuyển về khu xử lý khoảng 16,5 tấn/ngày; công suất thực tế xử lý 16 giờ/ngày x 0,7 tấn/giờ = 11,2 tấn/ngày, lượng rác tồn đọng không thể xử lý = 16,5 tấn/ngày - 11,2 tấn/ngày = 5,3 tấn/ngày. Theo thời gian, khối lượng rác thải này ngày càng lớn, gây ô nhiễm môi trường, đã có ý kiến kiến nghị của cử tri và nhân dân xã Cương Gián, có nguy cơ gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

++) Tình hình và hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, HTX làm nhiệm vụ thu gom rác thải từ chủ nguồn thải đến điểm tập kết/trạm trung chuyển tại các địa phương:

Các tổ vệ sinh của 17 địa phương (trừ Cương Gián, thị trấn Xuân An) do các địa phương thành lập. Phương tiện hoạt động do UBND các xã, thị trấn cung cấp, bao gồm các thùng tự chế (được gắn trên xe máy của các vệ sinh viên). Các tổ vệ sinh được thành lập bao gồm các nhân viên trực tiếp thu gom rác và một số cán bộ của địa phương để thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

+ Số điểm tập kết, trung chuyển CTR: Có 58 điểm theo quy hoạch, trong đó 41 điểm đã được xây dựng đúng quy hoạch. Có 17 điểm theo quy hoạch nhưng chưa xây dựng do nhân dân không đình tình hoặc để giảm bớt chi phí nên các tổ vệ sinh đã tập kết rác thải dọc tuyến đường giao thông, đê hữu... để thuận lợi cho công tác thu gom, vận chuyển, cụ thể:

++) Xã Xuân Trường: Hiện có 2 thôn sử dụng chung điểm tập kết với thôn khác. UBND xã đang xem xét việc tiếp tục xây dựng 02 điểm tập kết tại 02 thôn còn lại.

++) Xã Xuân Đan: Thực tế sử dụng tại 03 điểm.

++) Xã Xuân Phổ: Thực tế chỉ sử dụng 03 điểm, một điểm trước đây đã xây dựng nhưng sau đó không phù hợp do cảnh quan môi trường, UBND xã đã tháo dỡ 01 điểm.

++) Xã Xuân Liên: Hiện tại rác thải tập kết trên các tuyến đường giao thông, và sau đó được vận chuyển đi trong ngày. Việc xây dựng điểm tập kết tại xã Xuân Liên là cần thiết để đảm bảo đúng quy định. Hiện UBND huyện đang chỉ đạo xã Xuân Liên khảo sát và sớm xây dựng điểm tập kết phù hợp tình hình thực tế.

++) Xã Cương Gián: Do đặc điểm xe thu gom (Julong và xe gắn máy có thùng sau) đến từng nhà dân để thu gom rác thải, nên việc xây dựng 02 điểm chưa xây dựng theo quy hoạch là không cần thiết. Tuy vậy, trên địa bàn vẫn có tình trạng tập kết thành từng điểm rác thải dọc đường không đảm bảo quy định (ở những điểm xe không vào được). Hiện UBND huyện đang chỉ đạo xã Cương Gián xây dựng phương án thu gom, trong đó tính toán đến các điểm tập kết để phù hợp với tình hình thực tế nhưng đảm bảo đúng quy định.

++) Xã Xuân Yên: Xuân Yên còn 04 điểm chưa xây dựng theo quy hoạch. Hiện rác thải trên địa bàn xã Xuân Yên đang tập kết dọc đường không đảm bảo quy định. UBND huyện đang chỉ đạo UBND xã khảo sát để xây dựng điểm tập kết đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

++) Các xã: Xuân Giang (thiếu 01 điểm), Thị trấn Xuân An (thiếu 04 điểm), UBND huyện đang chỉ đạo các địa phương rà soát lại, xây dựng phương án thu gom đảm bảo rác thải không được tập kết dọc đê, đường giao thông... như thực tế hiện nay.

2. Kết quả triển khai thực hiện giá dịch vụ và kinh phí thực hiện đề án

- Hiện nay 19/19 xã, thị trấn đã tổ chức thu giá dịch vụ theo Quyết định số 4809/QĐ-UBND Quy định mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Nghi Xuân. Về đối tượng thu giá dịch vụ được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 2.

- Nguyên nhân kết quả thu giá đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ đạt tỉ lệ 50%: Với quy định một đối tượng sản xuất kinh doanh có khối lượng rác thải nhỏ hơn 1 m3/tháng (tương đương nhỏ hơn 0,42 tấn/tháng) đều thu 84.000 đồng/tháng, dẫn đến trường hợp sau:

Ví dụ: Một đối tượng phát sinh khối lượng 10 kg/tháng, nếu:

+ Khi áp giá tiền thu gom của đối tượng hộ kinh doanh buôn bán có khối lượng rác ≤ 1 m3/tháng theo quy định là 84.000 đ/tháng.

+ Nếu tính đơn giá thu gom theo 400.000 đồng/tấn thì tiền thu gom = 0,01 tấn/tháng x 400.000 đồng/tháng = 4.000 đồng/tháng.

Điều này dẫn đến: (1) Việc áp dụng đối tượng hộ kinh doanh buôn bán có khối lượng rác phát sinh càng nhỏ thì càng khó áp dụng thu theo đối tượng phát sinh ≤ 1 m3/tháng; (2) Sự bất cân đối giữa tỉ lệ tiền thu gom và tiền vận chuyển, xử lý rác thải càng lớn khi đối tượng hộ kinh doanh buôn bán có khối lượng rác phát sinh càng nhỏ. Ở ví dụ trên, tỉ lệ tiền thu gom và tiền vận chuyển, xử lý là tỉ lệ chênh lệch lớn = 84.000 : 4.750 (đơn vị đồng/tháng).

Về giải pháp tăng thu: Trước mắt tập trung tuyên truyền, yêu cầu các chủ nguồn thải chấp hành nghiêm theo quy định; tập trung vào các đối tượng có nguồn thải lớn. Về lâu dài, kiến nghị cấp thẩm quyền cần phải có phương án điều chỉnh giá dịch vụ, đặc biệt ở phần thu gom theo hướng thu theo khối lượng rác phát sinh thực tế x đơn giá (đồng/tấn) hoặc phân theo nhóm đối tượng có mức tương đương, áp giá thu gom sát với công thức khối lượng rác phát sinh thực tế x đơn giá (đồng/tấn).

- Về làm rõ nguồn ngân sách các cấp hỗ trợ trong thực hiện Đề án? Tách rõ kinh phí huyện hỗ trợ và tỉnh hỗ trợ: Đã cụ thể chi tiết tại "Biểu số 02. Tổng hợp kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý theo Đề án và theo thực tế năm 2018 kèm theo Báo cáo số 112/BC-UBND ngày 19/3/2019 của UBND huyện"

+ Về kinh phí 1,78 tỷ tỉnh hỗ trợ, ngân sách huyện đã sử dụng 1 tỷ để hỗ trợ cho 19 xã, thị trấn. Ngoài chính sách được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh Ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và chỉnh trang đô thị Hà Tĩnh năm 2017 - 2018, số tiền 0,78 tỷ cùng ngân sách huyện dự kiến hỗ trợ thêm 15% tổng giá trị lò đốt cho HTX Tân Phát lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt trong năm 2018 với tổng mức 15% tổng giá trị lò đốt nhưng không quá 1 tỷ. Mặc dù đã được các sở ngành đồng tình chủ trương đề xuất UBND tỉnh cho HTX Tân Phát lắp đặt thêm lò đốt công suất 3 tấn/h ở Cương Gián *(tại Công văn số 21/SKHĐT-DNĐT ngày 03/01/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Cương Gián và xem xét, tham mưu về đề xuất của UBND thị xã Hồng Lĩnh và Uỷ ban nhân dân huyện đề xuất tại Công văn số 1729/UBND-TNMT ngày 21/12/2018 về việc đề nghị chấp thuận đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư)*, nhưng UBND tỉnh vẫn chưa có ý kiến chấp thuận, vì vậy chưa thể giải ngân được số kinh phí 0,78 tỷ trong năm 2018.

+ Cân đối thu chi trong năm 2018 là - 2,632 tỷ *(Biểu 2 ban hành kèm Báo cáo số 112/BC-UBND ngày 19/3/2019 của UBND huyện Kết quả thực hiện Đề án và triển khai giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn).* Số tiền này do các địa phương nợ các tổ chức vận chuyển, xử lý rác thải (HTX Tân Phát, Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân) do bị thất thu giá dịch vụ so với dự toán bộ thu; khối lượng rác thải phát sinh nhiều do không thực hiện tốt công tác phân loại rác thải tại nguồn.

3. Kết quả triển khai các chính sách hỗ trợ về bảo vệ môi trường

Về Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ xây dựng lò đốt rác thải sinh hoạt theo Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND:

a) Về tiến độ hồ sơ và nguyên nhân:

- HTX Tân Phát đã hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 Ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và chỉnh trang đô thị Hà Tĩnh năm 2017 - 2028 trình hồ sơ hỗ trợ gửi UBND huyện để được xem xét, hỗ trợ trong năm 2018. Tuy vậy, do có một số vướng mắc, UBND huyện đã có Công văn số 1757/UBND-TCKH ngày 27/12/2018 về việc đề nghị cho ý kiến chỉ đạo về thực hiện chính sách xây dựng lò đốt rác thải sinh hoạt theo Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh; Công văn số 481/UBND-TCKH ngày 08/4/2019 về việc đề nghị xem xét, cho ý kiến chỉ đạo việc thực hiện chính sách xây dựng lò đốt xử lý rác thải sinh hoạt theo Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh (lần 2), tuy vậy, UBND huyện vẫn chưa nhận được hướng dẫn trả lời của các sở ngành, UBND tỉnh *(Có các văn bản gửi kèm theo).*

- Đối với Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân, hiện đang hoàn tất các hồ sơ thủ tục theo quy định tại Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hỗ trợ theo quy định. Nguyên nhân do đơn vị hoàn thành chậm công trình bảo vệ môi trường để được xác nhận theo quy định *(đến ngày 15/5/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp Giấy xác nhận số 205/QĐ-STNMT đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường của Dự án "Thu gom, vận chuyển và xử lý đốt rác thải sinh hoạt Khu du lịch Xuân Thành và một số xã trên địa bàn huyện Nghi Xuân gồm: Xuân Thành, Cổ Đạm, Xuân Phổ, Xuân Đan, Xuân Trường, Xuân Hội - Hạng mục Lò đốt rác thải sinh hoạt SANKYO GF 1500" cho Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân khi đơn vị hoàn thành được các yêu cầu đối với hạng mục lò đốt).*

b) Đề xuất giải pháp:

Đề nghị UBND tỉnh, các sở ngành cấp tỉnh sớm có ý kiến bằng văn bản đối với đề xuất kiến nghị của UBND huyện tại Công văn số 1757/UBND-TCKH và Công văn số 481/UBND-TCKH để hỗ trợ cho HTX Tân Phát theo quy định. Đối với Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân, đề nghị các sở ngành đôn đốc, chỉ đạo để Công ty hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình các sở, ngành, UBND tỉnh quyết định hỗ trợ theo quy định.

4. Về rà soát lại thông tin biểu mẫu:

Điều chỉnh thông tin Biểu số 03 ban hành kèm Báo cáo số 112/BC-UBND ngày 19/3/2019 của UBND huyện theo Phụ lục 3 kèm Báo cáo này.

Trên đây là báo cáo bổ sung tình hình thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và triển khai giá dịch vụ trên địa bàn huyện Nghi Xuân, UBND huyện kính gửi Sở Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT, TNMT;
- Gửi bản giấy và điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Tiến Hưng

Phụ lục I: Tổng hợp tình hình thành lập HTX, Tổ vệ sinh môi trường

(Kèm Báo cáo số 192/BC-UBND ngày 21/5/2019 của UBND huyện)

TT	Địa phương	Tên Hợp tác xã, tổ hợp tác	Số thôn	Tần suất thu gom/tuần
1	Xuân Hội	Tổ vệ sinh	11	2
2	Xuân Trường	Tổ vệ sinh	10	1
3	Xuân Đan	Tổ vệ sinh	5	1
4	Xuân Phổ	Tổ vệ sinh	9	1
5	Xuân Hải	Tổ vệ sinh	7	1
6	Tiên Điền	Tổ vệ sinh	7	1
7	Xuân Yên	Tổ vệ sinh	10	1
8	Xuân Thành	Tổ vệ sinh	10	1
9	Cổ Đạm	Tổ vệ sinh	12	1
10	Xuân Liên	Tổ vệ sinh	11	1
11	Cương Gián	HTX Tân Phát	15	2
12	TT Nghi Xuân	Tổ vệ sinh	4	2
13	Xuân Giang	Tổ vệ sinh	7	2.16
14	TT Xuân An	CT TNHH dịch vụ MT Nghi Xuân	13	2.54
15	Xuân Mỹ	Tổ vệ sinh	8	1
16	Xuân Viên	Tổ vệ sinh	9	1
17	Xuân Lĩnh	HTX dịch vụ MT Xuân Lĩnh	5	2
18	Xuân Hồng	Tổ vệ sinh	9	2
19	Xuân Lam	Tổ vệ sinh	5	1
Tổng		**15**	**167**	

Ghi chú: Những địa phương tần suất 2,16; 2,54 do một số thôn/tổ dân phố tần suất 3 lần/tuần

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN

Phụ lục 2: Đối tượng và tần suất thu giá dịch vụ

(Kèm Báo cáo số 192/BC-UBND ngày 21/5/2019 của UBND huyện)

TT	Tháng	Đối tượng thu	Tần suất thu
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xuân Hội	Thôn trưởng thu	1 tháng/lần
2	Xuân Trường	Thôn trưởng thu	1 quý/lần
3	Xuân Đan	Thôn trưởng, vệ sinh viên	1 tháng/lần
4	Xuân Phổ	Thôn trưởng	1 tháng/lần
5	Xuân Hải	Thôn trưởng	1 tháng/lần
6	Xuân Liên	Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ	1 tháng, 2 tháng hoặc 1 quý tùy thuộc từng thôn
7	Cương Gián	Thôn trưởng, Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ	6 tháng/lần hoặc 1 năm/lần
8	Xuân Viên	Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ	1 tháng/lần
9	Xuân Lĩnh	Thôn trưởng	1 tháng/lần
10	Tiên Điền	Phó Chủ tịch hội liên hiệp Phụ nữ xã	1 tháng/lần
11	Xuân Yên	Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ	1 quý/lần
12	Xuân Thành	Vệ sinh viên	1 tháng/lần
13	Cổ Đạm	Thôn trưởng	6 tháng/lần
14	TT N.Xuân	Vệ sinh viên	1 tháng/lần
15	Xuân Mỹ	Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ	1 tháng/lần
16	Xuân Giang	Thôn trưởng	1 tháng/lần
17	TT X.An	Thôn trưởng	1 quý/lần
18	Xuân Hồng	Thôn trưởng	1 tháng/lần
19	Xuân Lam	Thôn trưởng	1 tháng/lần
Tổng/tháng			

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN

Phụ lục 3: TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ HỢP TÁC XÃ MÔI TRƯỜNG VÀ BÃI TRUNG CHUYỂN CTR

(Kèm theo Báo cáo số 192/BC-UBND ngày 21/5/2019 của UBND huyện)

TT	Địa phương	Thông tin về Hợp tác xã, tổ đội vệ sinh môi trường							Thông tin về bãi trung chuyển/bãi tập kết CTR						Ghi chú
									Quy hoạch bãi trung chuyển		Bãi trung chuyển đã xây dựng theo quy hoạch		Bãi tập kết tự phát không theo quy hoạch		
		Tên HTX, tổ đội VSMT (nếu có)	Số lao động	Mức lương lao động bình quân	Khám sức khỏe định kỳ, đóng bảo hiểm cho lao động (C/K)	Số xe kéo gắn máy	Số xe tải các loại chở rác	Số xe chuyên dụng chở rác	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	
1	Xuân Hội	Tổ vệ sinh xã Xuân Hội	4	2,875,000	Không	4			1	100	1	100			
2	Xuân Trường	Tổ vệ sinh xã Xuân Trường	5	1,800,000	Không	5			7	140	5	100			
3	Xuân Đan	Tổ vệ sinh xã Xuân Đan	5	1,100,000	Không	5			4	120	3	90			
4	Xuân Phổ	Tổ vệ sinh xã Xuân Phổ	7	1,028,571	Không	7			4	120	3	90			
5	Xuân Hải	Tổ vệ sinh xã Xuân Hải	7	1,028,571	Không	7			1	150	1	150			
6	Xuân Liên	Tổ vệ sinh xã Xuân Liên	6	1,793,333	Không	6			2	100	0	0	-	-	(*)
7	Cương Gián	HTX Tân Phát	3	8,000,000	Không	2	1	2	3	150	1	30	-	-	(*)
8	Xuân Viên	Tổ vệ sinh xã Xuân Viên	6	1,328,333	Không	6			1	200	1	200			
9	Xuân Lĩnh	HTXMT Xuân Lĩnh	6	1,583,333	Không	5	1		1	250	1	250			
10	Tiên Điền	Tổ vệ sinh xã Tiên Điền	5	1,570,000	Không	5			2	100	2	100			
11	Xuân Yên	Tổ vệ sinh xã Xuân Yên	5	1,500,000	Không	5			5	150	1	30	-	-	(*)

TT	Địa phương	Thông tin về Hợp tác xã, tổ đội vệ sinh môi trường							Thông tin về bãi trung chuyển/bãi tập kết CTR						Ghi chú
									Quy hoạch bãi trung chuyển		Bãi trung chuyển đã xây dựng theo quy hoạch		Bãi tập kết tự phát không theo quy hoạch		
		Tên HTX, tổ đội VSMT (nếu có)	Số lao động	Mức lương lao động bình quân	Khám sức khỏe định kỳ, đóng bảo hiểm cho lao động (C/K)	Số xe kéo gắn máy	Số xe tải các loại chở rác	Số xe chuyên dụng chở rác	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	
12	Xuân Thành	TVS xã Xuân Thành	7	1,200,000	Không	7			3	90	3	90			
13	Cổ Đạm	Tổ vệ sinh xã Cổ Đạm	14	1,000,000	Không	14			2	100	2	100	-	-	(*)
14	TT N.Xuân	TVS TT Nghi Xuân	4	2,000,000	Không	4			1	50	1	50			
15	Xuân Mỹ	Tổ vệ sinh xã Xuân Mỹ	7	1,000,000	Không	7			1	50	1	50			
16	Xuân Giang	TVS xã Xuân Giang	6	1,433,333	Không	6			5	150	4	120	-	-	(*)
17	TT X.An	C.ty TNHH DVMT NX	10	2,100,000	Không	10		2	5	250	1	80	-	-	(*)
18	Xuân Hồng	TVS xã Xuân Hồng	9	1,833,333	Không	8	1		9	180	9	180			
19	Xuân Lam	TVS xã Xuân Lam	4	1,125,000	Không	4			1	30	1	30			
Tổng cộng			**120**			**117**	**3**	**4**	**58**	**2480**	**41**	**1840**			

Ghi chú: (1): Từ hộ gia đình -> điể(1): Từ hộ gia đình -> điểm tập kết -> điểm trung chuyển -> khu xử lý
(2): Từ hộ gia đình -> vậi(2): Từ hộ gia đình -> vận chuyển đến khu xử lý
(*): Các địa phương rác tập kết trên đê, đường giao thông... Và được vận chuyển đi theo lịch vận chuyển, xử lý